

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2023

Về việc: Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về việc nuôi
con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Giang;

Ông Phạm Thanh Châu Giang.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:** Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn LB, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bị đơn: Anh Triệu Tài M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn LB, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Đ trình bày:

Chị và anh Triệu Tài M được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ tháng 9 năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị và anh M chung sống cùng nhau tại đội 9 LB nay là thôn LB, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Chị và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 11 năm 2017 đến nay,

chị Đ chuyển về nhà Bố Mẹ để sinh sống tại Thôn T, xã Q, huyện VB, tỉnh Lào Cai không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Triệu Tài M.

Về con chung: Chị và anh Triệu Tài M có hai người con chung là Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Ly hôn chị Đ nhất trí để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đã thành niên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn là anh Triệu Tài M trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2003 tại thôn LB, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Anh và chị Đ có được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm, chị Đ về nhà bố mẹ để sinh sống. Đến nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Đặng Thị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị Đ có hai con chung là Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Cháu N đã thành niên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Tài M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái, thể hiện: Anh Triệu Tài M và chị Đặng Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2003 tại thôn LB, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa anh Triệu Tài M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Đặng Thị Đ; Về con chung: Có hai con chung là Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Ly hôn anh M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đã thành niên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M; Về con chung: Chị Đ và anh M có hai con chung là Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Cháu N đã thành niên, giao cháu Triệu Thị T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Về án phí: Chị Đặng Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Đ có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với anh Triệu Tài M, cư trú tại: Thôn Làng Bang, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái và Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của chị Đ và anh M. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Triệu Tài M có đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Triệu Tài M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị Đ và anh M sinh sống xác nhận anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (bút lục 25). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*

chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Chị Đ và anh M chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử không công nhận chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M có hai con chung Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Cháu N đã thành niên chị Đ và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy: Cháu N đã thành niên, chị Đ và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Chị Đ và anh M đã thỏa thuận giao cháu T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị Đ là người dân tộc Dao, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Đặng Thị Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M có hai con chung Triệu Tồn N, sinh ngày 09/11/2004 và Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005. Cháu N đã thành niên. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Đặng Thị Đ và anh Triệu Tài M, giao con chung Triệu Thị T, sinh ngày 31/12/2005 cho anh Triệu Tài M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Đặng Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Đặng Thị Đ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm chị Đ đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001822 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Triệu Tài M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐS;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương